

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI



KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024 - 2025

Hải Phòng, tháng 9 năm 2024

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 92/QĐ-THPTAH

An Dương, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai minh bạch các hoạt động của nhà trường
Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN HẢI

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ nhiệm vụ năm học 2024-2025 của trường THPT An Hải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai, minh bạch các hoạt động của trường THPT An Hải năm học 2024-2025 theo nội dung Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. (Có kế hoạch đính kèm).

Điều 2: Các bộ phận và các cá nhân trong trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Phòng KĐCL Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Các tổ, đoàn thể trong trường (để giám sát);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Hồng Diệu

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CÔNG KHAI
NĂM HỌC 2024 - 2025

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 2941/SGDDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLS-GDDĐT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2024 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024 -2025;

Trường THPT An Hải xây dựng kế hoạch thực hiện công khai trong nhà trường năm học 2024-2025 như sau:

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

- Nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tính dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và nâng cao hiệu quả giáo dục;
- Quản lý tốt việc thu, chi cũng như việc sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện từ phụ huynh học sinh đảm bảo khách quan chống các biểu hiện tiêu cực trong đơn vị, từ đó xây dựng một tập thể dân chủ, đoàn kết;
- Thúc đẩy cán bộ giáo viên nhà trường phấn đấu vươn lên trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong từng năm học;
- Công khai các hoạt động của nhà trường trước cán bộ, giáo viên, học sinh, phụ huynh và quần chúng nhân dân trên địa bàn;
- Tổ chức thực hiện tốt các nội dung công khai cơ bản và quy chế dân chủ ở cơ sở để xây dựng mối đoàn kết trong nội bộ trong trường học;
- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy tập trung dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

B. CÁCH THỨC, THỜI GIAN CÔNG KHAI :

1. Cách thức công khai:

- Cách thức công khai theo Điều 14 Thông tư 09.

- Thực hiện Công văn số 2941/SGDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

a) Công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

+ Liên tục trên trang thông tin điện tử Website của trường, Trên hệ thống eNetViet.

+ **Tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.**

- Các nội dung công khai đối với các hoạt động giáo dục do cơ sở giáo dục thực hiện.
- **Báo cáo thường niên để công khai** cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông tư này (Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên)

b) Niêm yết công khai tại cơ sở giáo dục:

- **Thời điểm công khai:** 02 lần (*Lần 1 thực hiện vào tháng 9/2024; Lần 2 thực hiện vào tháng 6/2025*)

Trong đó, trường đã thực hiện công khai Lần 1 trong tháng 8 và tháng 9/2024 (*Ngày 25/8/2024 công khai trong Hội nghị Ban ĐDCMHS trường;*) có hồ sơ kèm theo (Hệ thống bảng tin của nhà trường; Phòng giáo viên, phòng tiếp PHS, sân trường)

- **Thời gian công khai:** Niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

c) Công khai tại cuộc họp cha mẹ học sinh:

- Ngày 25/8/2024 công khai trong cuộc họp toàn thể CMHS các lớp và niêm yết công khai trên hệ thống bảng tin nhà trường

2. Thời gian công khai: Điều 15.

- Thời gian công khai theo **Điều 15 Thông tư 09.**

- Thực hiện Công văn số 2941/SGDDĐT-KTKĐ ngày 24/9/2024 của Sở GD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Quy định về công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT.

a. Thời điểm công khai của các cơ sở giáo dục như sau: Công bố công khai các nội dung theo quy định tại điểm a, khoản 1 và điểm a, khoản 2, **Điều 14 của Thông tư này trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.**

b. Trường hợp nội dung công khai có thay đổi hoặc đến ngày 30 tháng 6 hằng năm chưa có thông tin do nguyên nhân khách quan hoặc do quy định khác của pháp luật thì phải được cập nhật, **bổ sung chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin hoặc từ ngày có thông tin chính thức;**

c. Thời gian công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- + Liên tục trên trang thông tin điện tử Website của trường, Trên hệ thống eNetViet.
- + **Tối thiểu 05 năm kể từ ngày công bố công khai.**

C. NỘI DUNG CÔNG KHAI:

(Thực hiện theo Phụ lục I: Mẫu báo cáo thường niên của cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên)

I. CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG (2)) - TRƯỜNG THPT AN HẢI NĂM HỌC 2024 – 2025

*(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường THPT An Hải)*

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THPT An Hải

2. Địa chỉ trụ sở chính

- Tổ 7, thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng
- Hotline: 0225.626.517
- Gmail: thpt-anhai@haiphong.edu.vn
- Website: thptanhai.haiphong.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp:

- Loại hình: Tư thực.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

4.1. Sứ mạng : Tiên phong trong đổi mới giáo dục, đào tạo chất lượng cao, phát triển tinh thần tự chủ, trách nhiệm của học sinh với bản thân, gia đình và đất nước.

4.2. Tầm nhìn: Trở thành trường trung học phổ thông chất lượng cao toàn diện. Ứng dụng công nghệ giáo dục trong dạy học đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại.

4.3. Mục tiêu chiến lược của nhà trường:

- Từng bước thay đổi chất lượng giáo dục để xây dựng Trường THPT An Hải trở thành một mô hình giáo dục “Tiên phong trong đổi mới” tại thành phố Hải Phòng.
- Từng bước nâng cao trình độ ngoại ngữ và Tin học cho học sinh. Yêu cầu học sinh học Trường THPT An Hải phải thành thạo Tin học và giao tiếp tốt Tiếng Anh để sau 03 năm học tốt nghiệp ra trường các em phải Hội nhập được và có một việc làm tốt.
- Kết hợp “*Dạy chữ - Dạy người và định hướng nghề nghiệp*”.
- Xây dựng hình ảnh của nhà trường tích cực trong suy nghĩ và hành động của phụ huynh, tạo được sự tin yêu, niềm tin của phụ huynh.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ giáo viên trình độ cao, có tinh thần học hỏi và say mê tích cực trong giảng dạy, giáo dục học sinh.
- Xây dựng một tập thể nhà trường mà mỗi thành viên đều thấy trách nhiệm, nghĩa vụ, tình yêu của mình với ngôi trường, với học sinh.
- Xây dựng hình ảnh người học sinh tích cực, năng động và nhân ái. Xây dựng hình ảnh người cán bộ, giáo viên mẫu mực trong dạy học và cuộc sống.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

5.1. Lịch sử hình thành nhà trường

- Năm thành lập: 17-07-1997
- Tên gọi: Trường Dân lập An Hải - Trường THPT Tư Thục An Hải
- Ban sáng lập: Bà Nguyễn Thị Xuân; Ông Vũ Hữu Lý; Ông Nguyễn Minh Tuấn; Ông Phạm Văn Đức - là những người đồng sáng lập nhà trường
- Địa điểm: Kho Vật tư Nông nghiệp - số 81 đường 351, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương

- Những năm đầu hoạt động, trường phải thuê địa điểm, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy còn manh mún, 100% giáo viên thỉnh giảng. Tuy nhiên, bằng tâm huyết, sự nỗ lực của Ban sáng lập, sự nhất trí cao của các bậc phụ huynh và sự mong mỏi của các em học sinh. Nhà trường đã quyết tâm xây dựng phát triển trường THPT An Hải trở thành địa điểm giáo dục chất lượng-uy tín.

5.2. Sự phát triển của nhà trường

- Năm chính thức xây dựng: 2003
- Tên gọi: Trường THPT An Hải
- Địa điểm chính thức: Tổ dân phố 7, Thị trấn An Dương, Huyện An Dương
- Tổng diện tích nhà trường: 12.500m²
- Hội đồng trường: Bà Nguyễn Thị Xuân – Chủ tịch HĐQT
- Số vốn đầu tư
- + Giai đoạn 2004-2012: 25 tỷ
- + Giai đoạn 2013- nay: 35 tỷ
- Các thành tích nổi bật của nhà trường
- + Trường được UBND thành phố công nhận: “Trường chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3”, “Tập thể lao động xuất sắc”
- + 14 năm liên tục, từ 2009-2023: luôn là một trong ba trường đứng top thi đua đầu trong khối các trường Ngoài công lập
- + Trường được Bộ GD&ĐT, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen: “Đã có thành tích trong công tác giáo dục và đào tạo, góp phần xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng Dịu
- Chức vụ: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường
- Số điện thoại: 0963.026.699
- E-mail: hongdiu.ah@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập và giai đoạn đổi tên loại hình trường.

Quyết định số 1178/QĐ-UB ngày 17/7/1997 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thành lập Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải.

Quyết định số 705/QĐ-UB ngày 09/5/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Trường Phổ thông trung học Dân lập An Hải thành Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải.

Quyết định số 1461/QĐ-UBND ngày 10/8/2007 của UBND thành phố cho phép đổi tên Trường Trung học phổ thông Tư thục An Hải thành Trường THPT An Hải.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường:

- Quyết định công nhận chủ tịch hội đồng trường và các thành viên hội đồng Hội đồng trường: Quyết định số 1155/QĐ-SGDĐT ngày 21/9/2022 Công nhận Hội đồng trường Trường THPT An Hải nhiệm kỳ 2022-2027.
- Danh sách các thành viên hội đồng Hội đồng trường: 05 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Góp vốn đầu tư
1	Bà Nguyễn Thị Xuân	Chủ tịch HĐT	Nhà đầu tư
2	Ông Vũ Trung Linh	Ủy viên	Nhà đầu tư
3	Ông Vũ Công Minh	Ủy viên	Nhà đầu tư
4	Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Không
5	Bà Nguyễn Thị Hồng Dịu	Thư ký	Không

c. Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Quyết định công nhận	Năm công nhận	Số điện thoại
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	Số: 145/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0963026699
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	Số: 144/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0973888182
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	Số: 1302/QĐ-SGDĐT-TCCB	Năm 2020	0972521107

d. Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; sơ đồ tổ chức bộ máy của trường.

*** Quy chế tổ chức và hoạt động của trường (nội dung chính):**

- Hội đồng trường đại diện các nhà đầu tư; xây dựng chiến lược phát triển nhà trường; quy định trách nhiệm nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng trường; ban kiểm soát, thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện luật dân chủ trong hoạt động nhà trường; thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục của nhà trường.

- Hiệu trưởng đề nghị thành lập các tổ chức chính trị, xã hội trong trường; thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, bổ nhiệm tổ trưởng, nhóm trưởng các tổ chuyên môn, văn phòng; Phân công các thành viên BGH quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên

môn; CSVN, VSMT... phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện theo yêu cầu Hội đồng trường và của các cấp có thẩm quyền quản lý học sinh và các hoạt động GD; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỉ luật học sinh. Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường:**

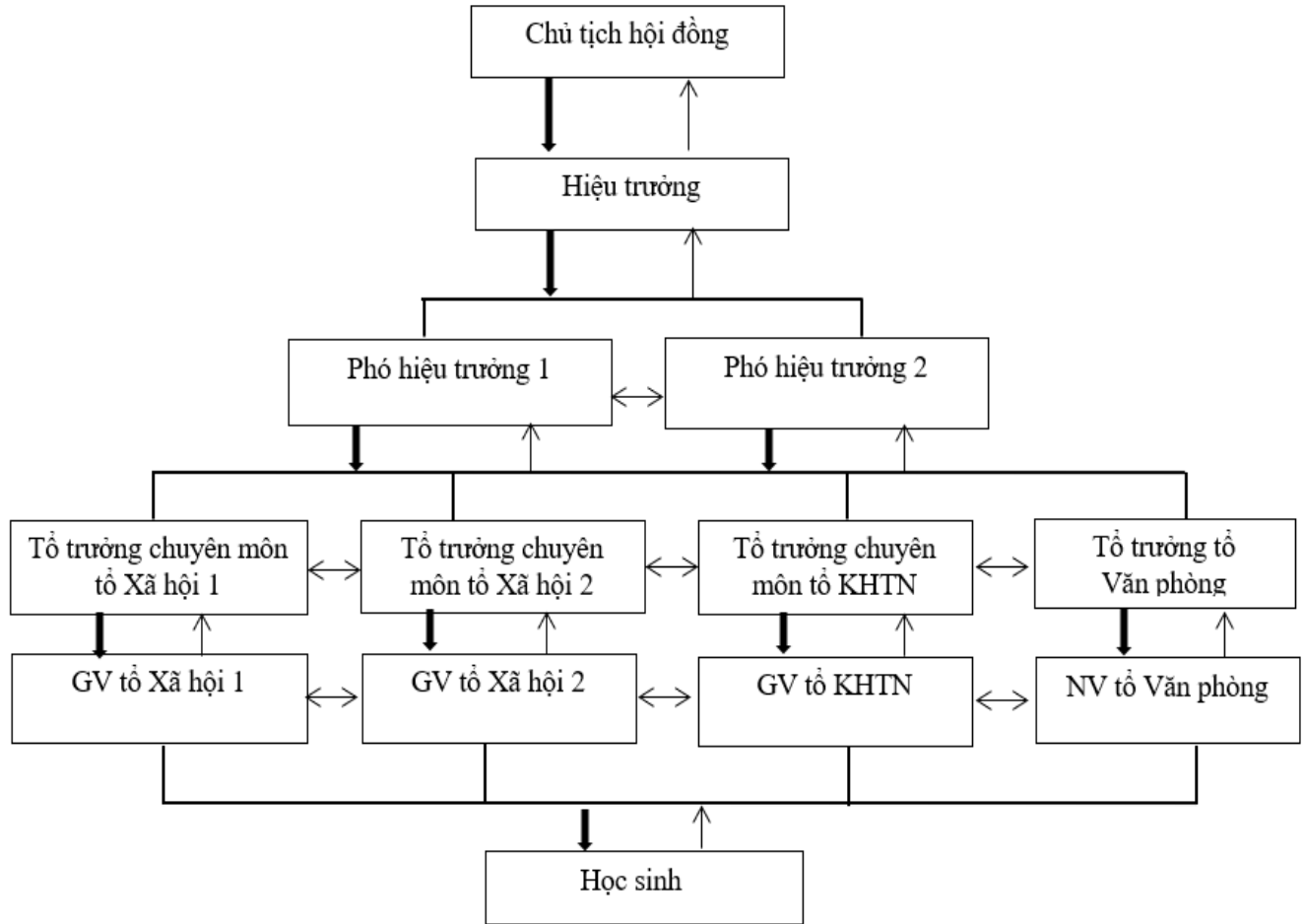
- Trường có nhiệm vụ và quyền hạn như trường phổ thông công lập theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học loại hình tư thục, ban hành kèm theo Thông tư số: 40/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT.

- Trường tự chủ và tự chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch phát triển; xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên; huy động, sử dụng và quản lý các nguồn lực để thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông.

- Trường có trách nhiệm báo cáo công khai các mặt hoạt động tài chính, giáo dục của nhà trường theo quy định tại Thông tư số 09/2004/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- Trường thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

• **Sơ đồ tổ chức bộ máy:**



Sơ đồ cơ cấu tổ chức Trường THPT An Hải năm học 2023-2024.

Chú thích:

Quan hệ chỉ đạo:  - Quan hệ báo cáo:  - Quan hệ phối hợp: 

đ. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của ban lãnh đạo nhà trường.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Nguyễn Thị Hồng Dịu	Hiệu trưởng	0963026699	hongdiu.ah@gmail.com
2	Nguyễn Quang Hiếu	Phó Hiệu trưởng 1	0973888182	hieu79ah@gmail.com
3	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Hiệu trưởng 2	0972521107	t0906084588@gmail.com

8. Các văn bản khác của nhà trường:

- Quy chế tổ chức hoạt động;
- Chiến lược phát triển;
- Hợp đồng lao động;
- Quy chế dân chủ cơ sở (Thực hiện theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở số: 10/2022/QH ngày 10/11/2022);
- Thỏa ước lao động tập thể;
- Bộ quy tắc ứng xử;
- Nghị quyết của Hội đồng trường;
- Quyết định tăng lương theo thời hạn, trước thời hạn;
- Thông báo tuyển dụng...

II. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN (2) - TRƯỜNG THPT AN HẢI.

NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ được đào tạo Vị trí việc làm						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Số lượng CBQLGV đạt huấn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	64	0	23	32	2	2	5	64	100	51	8	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	51	0	20	31	0	0	0	51	100	51	8	0	0
1	Toán	8	0	6	2	0	0	0	8	100	7	1	0	0
2	Vật lý	3	0	0	3	0	0	0	3	100	3	0	0	0
3	Hóa học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
4	Sinh học	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
5	Tin học	3	0	2	1	0	0	0	3	100	3	0	0	0
6	Ngữ văn	9	0	2	7	0	0	0	9	100	6	3	0	0
7	Lịch sử	6	0	5	1	0	0	0	6	100	6	0	0	0
8	Địa lý	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
9	GDKT&PL	4	0	3	1	0	0	0	4	100	3	1	0	0
10	NN	6	0	1	5	0	0	0	6	100	6	0	0	0
11	CN	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1	0	0	0
12	GDTC	2	0	0	2	0	0	0	2	100	1	1	0	0
13	GDQP&AN	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1	0	0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	2	0	2	0	0	0	0	2	100	2	0	0	0

III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	0	0	1	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0						
3	Thủ quỹ	1	0	0	0	1	0	0						
4	Nhân viên y tế	1	0	0	0	1	0	0						
5	Thư viện	1	0	0	0	0	1	0						

III. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG (4) - TRƯỜNG THPT AN HẢI NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng học	31	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học	31	
1	Phòng học kiên cố	31	54 m ² /phòng
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	4	70 m ² /phòng
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	200 m ²
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	54 m ² /phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	45,48	
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)		11.500 m ²
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²) - Sân bóng = 1200 m ² - Sân tập có mái = 400 m ² - Đường chạy = 500 m ² - Sân chơi = 1500 m ²	4	3.600 m ²
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	31	54 m ² /phòng
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	4	70 m ² /phòng
3	Diện tích thư viện (m ²)	1	200 m ²
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	1	400 m ²
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	2	200 m ²
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		1 bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		1 bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1.2	Khối lớp 11		1 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 12		1 bộ/lớp
1.4	Khối lớp ...		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		1 bộ/lớp
2.2	Khối lớp 11		1 bộ/lớp
2.3	Khối lớp 12		1 bộ/lớp
2.4	Khối lớp ...		
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		-
1	Màn hình led	2	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	10	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác: Camera	37	
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp, tủ đựng	31	
8	Điều hòa	71	
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	31	31/31 lớp
5	Thiết bị khác: Camera thu phát âm thanh	37	31/31
6	Bình nóng lạnh	2	
7	Tủ thư viện lớp/tủ đựng điện thoại	31	31/31
8	Điều hòa	71	62/31

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	30

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú			
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Giáo viên nam	Giáo viên nữ	Học sinh nam	Học sinh nữ
------------	--------------------	----------------------	---------------------	---------------------	--------------------

		Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích	Tổng số	Diện tích
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	5	20	5	20	2	30	2	30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*								

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 10 NĂM 2024 – 2025 (Có điều chỉnh)

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Nhà xuất bản
1	TOÁN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hà Huy Khoái	NXB GIÁO DỤC
2	NGŨ VĂN 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng	NXB GIÁO DỤC
3	TIẾNG ANH 10 Explore New Worlds	Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Văn Vân	NXB GIÁO DỤC
4	LỊCH SỬ 10	Cánh diều	Đỗ Thanh Bình	NXB Đại học Huế
5	ĐỊA LÍ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	NXB GIÁO DỤC
6	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Trần Thị Mai Phương	NXB GIÁO DỤC
7	VẬT LÝ 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Văn Hùng	NXB GIÁO DỤC
8	HÓA HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Kim Long	NXB GIÁO DỤC

9	SINH HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Văn Lập	NXB GIÁO DỤC
10	TIN HỌC 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Phạm Thế Long	NXB GIÁO DỤC
11	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Duy Quyết	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Trịnh Hữu Lộc	NXB GIÁO DỤC
12	QUỐC PHÒNG AN NINH 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nghiêm Viết Hải	NXB GIÁO DỤC
13	CÔNG NGHỆ 10 (Thiết kế và công nghệ)	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huy Hoàng	NXB GIÁO DỤC
14	CÔNG NGHỆ 10 (Công nghệ trồng trọt)	Cánh điều	Nguyễn Tất Thắng	NXB Đại học Huế
15	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 10	Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	NXB GIÁO DỤC

2. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 NĂM 2024 – 2025

T T	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THPT An Hải
1	TOÁN 11	Cánh điều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Đỗ Đức Thái	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Trần Nam Dũng	
		Cùng khám phá (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lê Thị Hoài Châu	
2	NGŨ VĂN 11	Cánh điều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Nguyễn Thành Thi	
3	TIẾNG ANH 11	Global Success	Hoàng Văn Vân	1
		Friends Global	Vũ Mỹ Lan	
		THiNK	Nguyễn Thị Diệu Hà	
		English Discovery	Trần Thị Lan Anh	

		Explore New Worlds (Cánh điều)	Nguyễn Thanh Bình	
		Bright	Võ Đại Phúc	
		i-learn Smart World	Võ Đại Phúc	
		C21-Smart	Lê Hoàng Dũng	
		Macmillan Move On	Hoàng Tăng Đức	
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11	Cánh điều (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đoan	1
		Chân trời sáng tạo (GDKT&PL 11, Chuyên đề học tập)	Huỳnh Văn Sơn	
6	LỊCH SỬ 11	Cánh điều (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Đỗ Thanh Bình	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	
		Chân trời sáng tạo (Lịch sử 11, Chuyên đề học tập)	Hà Minh Hồng	
7	ĐỊA LÍ 11	Chân trời sáng tạo (Địa lí 11)	Nguyễn Kim Hồng	
		Chân trời sáng tạo (Chuyên đề học tập Địa lí 11)	Mai Phú Thanh, Hoàng Trọng Tuấn	
		Cánh điều	Lê Thông – Nguyễn Đức Vũ	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh , Nguyễn Thị Vũ Hà .	1
8	VẬT LÍ 11	Cánh điều (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Văn Khánh	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 11, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	1
		Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh	
9	HÓA HỌC 11	Cánh điều (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Trần Thành Huế	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 11, Chuyên đề học tập Hóa học 11)	Lê Kim Long	1
		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	
11	SINH HỌC 11	Cánh điều (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Mai Sỹ Tuấn	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 11, Chuyên đề học tập Sinh học 11)	Phạm Văn Lập	1
		Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	
11	TIN HỌC 11	Cánh điều	Hồ Sĩ Đàm	
		Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	1

		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Định hướng Khoa học máy tính	Phạm Thế Long	1
		Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Khoa học máy tính (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 11, Khoa học máy tính (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
12	CÔNG NGHỆ 11	Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	1
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	
		Công nghệ cơ khí + Chuyên đề học tập Công nghệ cơ khí (Cánh diều)	Nguyễn Trọng Khanh	
		Công nghệ chăn nuôi + Chuyên đề học tập CN chăn nuôi (Cánh diều)	Nguyễn Tất Thắng	1
13	ÂM NHẠC 11	Kết nối tri thức với cuộc sống (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Phạm Phương Hoa	1
		Cánh diều	Nguyễn Hoàng Hậu	
		Chân trời sáng tạo (Âm nhạc 11, Chuyên đề học tập Âm nhạc 11)	Hồ Ngọc Khải	
14	MĨ THUẬT 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chuyên đề học tập Mĩ thuật 11	Đình Gia Lê	
		Hội họa	Đình Gia Lê	
		Kiến trúc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế mĩ thuật đa phương tiện	Đình Gia Lê	
		Lí luận và lịch sử mĩ thuật	Đình Gia Lê	
		Đồ họa (tranh in)	Đình Gia Lê	
		Điều khắc	Đình Gia Lê	
		Thiết kế thời trang	Đình Gia Lê	
		Thiết kế đồ họa	Đình Gia Lê	
		Thiết kế công nghiệp	Đình Gia Lê	
15	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 11	Bóng chuyền 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng rổ 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	1
		Bóng đá 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	
		Cầu lông 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	
		Bóng đá 11 (Cánh diều)	Đình Quang Ngọc	

		Bóng rổ 11 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc	
		Cầu lông 11 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc	
		Đá cầu 11 (Cánh diều)	Đinh Quang Ngọc	
16	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG NGHIỆP 11	Cánh diều	Nguyễn Dục Quang	
		Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	
		Chân trời sáng tạo 2	Đinh Thị Kim Thoa	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	1
17	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH 11	Giáo dục quốc phòng và an ninh 11 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nghiêm Viết Hải	1
		Giáo dục quốc phòng và an ninh 11		

3. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 12 NĂM 2024 – 2025

TT	Tên sách	Tên bộ sách	Chủ biên	Trường THPT An Hải lựa chọn
1	TOÁN 12	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Đỗ Đức Thái	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Hà Huy Khoái	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Trần Nam Dũng	
		Cùng khám phá (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lê Thị Hoài Châu	
2	NGỮ VĂN 12	Cánh diều (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Lã Nhâm Thìn, Đỗ Ngọc Thống	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Bùi Mạnh Hùng	1
		Chân trời sáng tạo (Tập 1, 2, Chuyên đề)	Nguyễn Thành Thi	
3	TIẾNG ANH 12	Global Success	Hoàng Văn Vân	1
		Friends Global	Vũ Mỹ Lan	
		THiNK	Nguyễn Thúy Lan	
		English Discovery	Trần Thị Lan Anh	
		Explore New Worlds (Cánh diều)	Nguyễn Thanh Bình	
		Bright	Võ Đại Phúc	

		i-learn Smart World	Võ Đại Phúc	
		C21-Smart	Lê Hoàng Dũng	
		Macmillan Move On	Hoàng Tăng Đức	
4	GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 12	Cánh diều (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Minh Đoan	1
		Chân trời sáng tạo (GDKT&PL 12, Chuyên đề học tập)	Huỳnh Văn Sơn	
6	LỊCH SỬ 12	Cánh diều (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Đỗ Thanh Bình	1
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Minh Giang	
		Chân trời sáng tạo (Lịch sử 12, Chuyên đề học tập)	Hà Minh Hồng	
7	ĐỊA LÍ 12	Chân trời sáng tạo (Địa lí 12)	Nguyễn Kim Hồng	
		Chân trời sáng tạo (Chuyên đề học tập Địa lí 12)	Nguyễn Kim Hồng	
		Cánh diều	Lê Thông	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lê Huỳnh	1
8	VẬT LÍ 12	Cánh diều (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Nguyễn Văn Khánh	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Vật lí 12, Chuyên đề học tập)	Vũ Văn Hùng	1
		Chân trời sáng tạo	Phạm Nguyễn Thành Vinh, Phùng Việt Hải	
9	HÓA HỌC 12	Cánh diều (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Trần Thành Huế	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Hóa học 12, Chuyên đề học tập Hóa học 12)	Lê Kim Long	1
		Chân trời sáng tạo	Cao Cự Giác	
12	SINH HỌC 12	Cánh diều (Sinh học 12, Chuyên đề học tập Sinh học 12)	Đình Quang Báo	
		Kết nối tri thức với cuộc sống (Sinh học 12, Chuyên đề học	Phạm Văn Lập	1

		tập Sinh học 12)		
		Chân trời sáng tạo	Tổng Xuân Tám	
12	TIN HỌC 12	Cánh diều	Hồ Sĩ Đàm	
		Định hướng Tin học ứng dụng (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	
		Định hướng Khoa học máy tính (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Phạm Thế Long	1
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Tin học ứng dụng	Phạm Thế Long	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Định hướng Khoa học máy tính	Phạm Thế Long	1
		Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Khoa học máy tính (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm	
		Tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Khoa học máy tính (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Tin học ứng dụng (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
		Chuyên đề học tập Tin học 12, Khoa học máy tính (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Văn Kiêm	
12	CÔNG NGHỆ 12	Công nghệ Điện - Điện tử + Chuyên đề học tập Công nghệ Điện - Điện tử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	1
		Công nghệ Lâm nghiệp-Thủy sản + Chuyên đề học tập CN Lâm nghiệp-Thủy sản (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	
		Công nghệ Điện - Điện tử + Chuyên đề học tập Công nghệ Điện - Điện tử (Cánh diều)	Nguyễn Trọng Khanh	

		Công nghệ Lâm nghiệp-Thủy sản + Chuyên đề học tập CN Lâm nghiệp-Thủy sản (Cánh điều)	Nguyễn Tất Thắng	1
13	ÂM NHẠC 12	Kết nối tri thức với cuộc sống (Âm nhạc 12, Chuyên đề học tập Âm nhạc 12)	Phạm Phương Hoa	1
		Cánh điều	Nguyễn Hoàng Hậu	
		Chân trời sáng tạo (Âm nhạc 12, Chuyên đề học tập Âm nhạc 12)	Hồ Ngọc Khải	
14	MĨ THUẬT 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Chuyên đề học tập Mỹ thuật 12	Đinh Gia Lê	
		Hội họa	Đinh Gia Lê	
		Kiến trúc	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật đa phương tiện	Đinh Gia Lê	
		Lí luận và lịch sử mỹ thuật	Đinh Gia Lê	
		Đồ họa (tranh in)	Đinh Gia Lê	
		Điêu khắc	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế thời trang	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế đồ họa	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế công nghiệp	Đinh Gia Lê	
		Thiết kế mỹ thuật, sân khấu điện ảnh	Đinh Gia Lê	
15	GIÁO DỤC THỂ CHẤT 12	Bóng chuyền 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng rổ 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng đá 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	1
		Cầu lông 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Trịnh Hữu Lộc	
		Bóng đá 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
		Bóng rổ 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
		Cầu lông 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
		Đá cầu 12 (Cánh điều)	Đinh Quang Ngọc	
16	HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM, HƯỚNG		Nguyễn Dục Quang	
		Cánh điều		
		Chân trời sáng tạo 1	Đinh Thị Kim Thoa	
		Kết nối tri thức với cuộc sống	Lưu Thu Thủy	1

	NGHIỆP 12			
17	GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH 12	Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)	Nghiêm Viết Hải	1
		Giáo dục quốc phòng và an ninh 12 (Nhà xuất bản Đại học sư phạm)	Nguyễn Thiện Minh	

IV. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC (5) -
TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của
Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1.. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CỦA NHÀ
TRƯỜNG:

Kết quả tự đánh giá theo Thông tư hiện hành về Kiểm định chất lượng giáo
dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

- 1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:
- 1.2. Đánh giá tiêu chí mức 1,2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		x	x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.3		x	x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	Không đạt	Sĩ số HS trên 40 (QĐ không quá 40 HS/lớp)
Tiêu chí 1.6		x	x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.8		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.9		x	x	Không có	
Tiêu chí 1.10		x	x	Không có	
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		x	x	x	

Tiêu chí 2.2		x	x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	x	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 8,16m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.2		x	x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 3.5		x	x	Không đạt	Diện tích đạt 8,16 m ² (QĐ ít nhất 10m ² /HS)
Tiêu chí 3.6		x	x	Không đạt	Thiết bị cũ, còn thiếu so với yêu cầu đổi mới của CTPT 2018
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		x	x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	x	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		x	x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.4		x	x	Không có	
Tiêu chí 5.5		x	x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	x	HS bỏ học = 1% (QĐ bỏ học không quá 1%)

Kết quả: Chưa đạt Mức 2

1.3. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	x		Kế hoạch giáo dục tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến các nước trong khu vực và thế giới
Tiêu chí 2		x	
Tiêu chí 3		x	
Tiêu chí 4	x		Thư viện hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp tiêu chuẩn khu vực và quốc tế
Tiêu chí 5		x	
Tiêu chí 6		x	

Kết luận: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 2



2. KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG SAU TỰ ĐÁNH GIÁ:

2.1. Về công tác chỉ đạo, tuyên truyền.

- Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân.

2.2. Kế hoạch triển khai thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn

Tiêu chí	Người thực hiện	Dự kiến kinh phí (nếu có)	Thời gian thực hiện	Giải pháp
Tiêu chí 1.1	Hiệu trưởng nhà trường - GV phụ trách website		Các năm học 2022-2023-2024-2025	- Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng. - Hoạt động tốt website nhà trường, thường xuyên tuyên truyền phương hướng,

	-Ban Tuyên truyền, tuyển sinh.			chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đến mọi tầng lớp nhân dân. - Tiếp thu các góp ý rộng rãi của nhân dân trong huyện.
Tiêu chí 1.3	Bí thư chi bộ Phó bí thư chi bộ CT Công đoàn Bí Thư đoàn		Các năm học 2022-2023-2024-2025	- Giữ vững Chi Bộ Đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao - Các đoàn thể xây dựng các tiêu chí thi đua cụ thể, công khai - Phân công phụ trách các hoạt động chuyên biệt, trách chông chéo, kiêm nhiệm. - Tổ chức nhiều hoạt động (nghiên cứu khoa học, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tình nguyện, hướng nghiệp...) đóng góp hiệu quả trong hoạt động nhà trường và cộng đồng.
Tiêu chí 1.4	-Các thành viên tổ văn phòng - Tổ trưởng, nhóm trưởng chuyên môn			- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động cụ thể, chi tiết, đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường. Hàng năm rà soát , đánh giá, điều chỉnh. - Tổ chuyên môn tổ chức các chuyên đề chuyên môn , đổi mới PPDH hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục - Tạo điều kiện cho GV học nâng cao trình độ trên chuẩn, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn.
Tiêu chí 1.5	-Phó hiệu trưởng Nguyễn Quang Hiếu		Các năm học 2022-2023-2024-2025	- Hàng năm sắp xếp cơ sở học sinh trong mỗi lớp không có quá 40 học sinh (vừa phù hợp với nguyện vọng của HS và PHHS vừa phù hợp với mục tiêu, kế hoạch giáo dục của nhà trường về phân loại đối tượng HS)
Tiêu chí 1.6	- Hội đồng trường			- Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương. - Học tập và áp dụng hiệu quả các phần

				mềm Kế toán chuyên phục vụ doanh nghiệp FAST.
Tiêu chí 2.1	-Hiệu trưởng			- Hàng năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. - Đồng chí Phó hiệu trưởng Nguyễn Thanh Tùng cần hoàn thiện chứng chỉ ngoại ngữ theo chuẩn vào năm 2022.
Tiêu chí 2.2	-Hiệu trưởng			Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch, tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho ĐNGV theo chuẩn nghề nghiệp GV cơ sở GD phổ thông. Tập huấn nâng cao về phương pháp tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho HS, hướng dẫn HS nghiên cứu KHKT.
Tiêu chí 2.3	Nhân viên			- Hằng năm, nhân viên được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.
Tiêu chí 2.4	-GV quản lý các câu lạc bộ			- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các câu lạc bộ ngoại khóa. -Các câu lạc bộ ngoại khóa có HS tham gia thi các giải cấp thành phố, quốc gia. - Hàng năm có giải KHKT cấp thành phố. Phân đấu có giải KHKT cấp quốc gia. - Tạo điều kiện cho HS ôn thi lấy chứng chỉ quốc tế MOS, IELTS....

2.3. Giải pháp về chính sách (nguồn kinh phí)

Nhà trường có trách nhiệm đầu tư tài chính, CSVC, văn phòng phẩm và các điều kiện khác để thu thập tư liệu, xây dựng và bảo quản bộ hồ sơ tự đánh giá theo đúng quy định.

3. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI VÀ CÔNG NHẬN TRƯỜNG ĐẠT KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG, ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA:

3.1. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia(nếu có)

- Thời gian nhà trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia: **12/11/2020**
- Mức độ được công nhận: **Đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1**
- Thời gian hết hiệu lực: **Tháng 11/ 2025**



3.2. Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt Chuẩn quốc gia Mức độ 1

3.3. Đánh giá chung.

a. Điểm mạnh

- Tháng 11/2020 Trường THPT An Hải được Giám đốc Sở GD&ĐT chứng nhận “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2”
- Tháng 11/2020, Trường THPT An Hải được Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng trao Bằng công nhận “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.

Trường THPT An Hải trở thành trường THPT ngoài công lập đầu tiên trên địa bàn thành phố được công nhận trường chuẩn Quốc gia.

b. Hạn chế.

- Nhà trường mới đạt “Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2” và “Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1”.
- Trang thiết bị chưa đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

c. Nguyên nhân của hạn chế.

- Do là trường Ngoài công lập không có sự đầu tư của nhà nước nên chưa có nhiều điều kiện thuận lợi để đầu tư trang thiết bị đầy đủ theo Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT.

- Giải pháp: Nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục của nhà trường trong giai đoạn 2024-2026 và tầm nhìn 2025 – 2030. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; Thầy và trò trường THPT An Hải tiếp tục

tập trung sức lực, vật lực vào công tác tự đánh giá các tiêu chí chưa đạt được ở Mức 2, Mức 3...

4. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA

4.1. Mục tiêu: Mục tiêu đến tháng 12 năm 2025 đạt kiểm định cấp độ 3. Đạt chuẩn mức độ 2

4.2. Kế hoạch:

4.2.1. Năm học: 2024-2025.

- Tập huấn nghiệp vụ tự đánh giá
- Triển khai các văn bản về công tác kiểm định chất lượng:
- Thông qua Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Thông qua kế hoạch tự đánh giá của trường THPT An Hải.
- Hướng dẫn thu thập thông tin minh chứng.

4.2.2. Năm học: 2025-2026.

*** Học kì I năm học: 2025-2026.**

- Dự kiến các minh chứng cần thu thập

+ *Phân tích tiêu chí, tìm minh chứng*

Sau khi các nhóm công tác, cá nhân thực hiện xác định nội hàm, phân tích tiêu chí tìm minh chứng cho từng tiêu chí; phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng tiêu chí đã thu thập được và lập Bảng danh mục mã minh chứng.

+ *Dự kiến các minh chứng cần thu thập*

Bảng danh mục mã minh chứng được trình bày bảng theo chiều ngang của khổ A4 (đóng thành quyển riêng) theo mẫu:

Đối với Mức 1, Mức 2 và Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Dự kiến các minh chứng cần thu thập	Nơi thu thập	Nhóm công tác, cá nhân thu thập	Dự kiến chi phí (Nếu có)	Ghi chú

- Dự kiến các nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và các điều kiện liên quan khác và thời điểm cần huy động)

- Hướng dẫn cách viết phiếu đánh giá tiêu chí.

1. Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG;

2. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG;

3. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt

chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng)

4. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có).

5. Dự thảo báo cáo TĐG

*** Học kì II năm học: 2025-2026.**

1. Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung.

2. Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường;

3. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG;

4. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ý

5. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng.

5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
Ban giám hiệu/các tổ chức đoàn thể	- Họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng TĐG, nhóm thư kí và các vấn đề có liên quan đến các hoạt động TĐG. - Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng TĐG. - Triển khai họp Hội đồng TĐG: - Công bố quyết định thành lập Hội đồng TĐG; - Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG; phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp cho các nhóm công tác và cá nhân; - Dự kiến thuê chuyên gia tư vấn để giúp hội đồng TĐG triển khai hoạt động TĐG (nếu có); - Dự thảo và ban hành kế hoạch TĐG. - Phổ biến kế hoạch TĐG đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan. - Tổ chức hội thảo/tập huấn /hội nghị về nghiệp vụ TĐG toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. - Thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động TĐG; - Thông qua báo cáo TĐG đã chỉnh sửa, bổ sung. - Công bố dự thảo báo cáo TĐG trong nội bộ trường; - Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo TĐG; - Bổ sung và hoàn thiện báo cáo TĐG theo các ý kiến góp ý - Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung, đề xuất KH cải tiến chất lượng. - Gửi báo cáo TĐG và công văn trong đó có nội dung đã hoàn thành hoạt động tự đánh giá về Sở GD&ĐT. - Công bố bản báo cáo TĐG đã hoàn thiện. - Tổ chức bảo quản báo cáo TĐG, các minh chứng và tài liệu liên quan theo quy định. - Tổ chức thực hiện các KH cải tiến chất lượng theo từng giai đoạn. - Cập nhật lại báo cáo TĐG (nếu cần) trước khi thực hiện việc đăng ký đánh giá ngoài với cơ quan có thẩm quyền.
Tổ nhóm	Các nhóm công tác, cá nhân xác định nội hàm thực hiện phân tích tiêu chí,

Tổ chức thực hiện	Các hoạt động cụ thể
chuyên môn/cá nhân	tìm minh chứng cho từng tiêu chí. 2. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được 3. Hội đồng TĐG thảo luận các minh chứng cho từng minh chứng đã thu thập được. 4. Lập bảng Danh mục mã minh chứng. 5. Các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các Phiếu đánh giá tiêu chí. 6. Các nhóm chuyên trách hoặc cá nhân báo cáo nội dung của từng Phiếu đánh giá tiêu chí với Hội đồng TĐG; 7. Chính sửa, bổ sung các nội dung của Phiếu đánh giá tiêu chí (Trong đó đặc biệt chú ý đến kế hoạch cải tiến chất lượng) 8. Thu thập, xử lý minh chứng bổ sung (nếu có). 9. Các thành viên của Hội đồng TĐG ký tên vào danh sách trong báo cáo TĐG; Hiệu trưởng ký tên, đóng dấu và ban hành;

V. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC(6) **TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024– 2025**

(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)

1. KẾT QUẢ TUYỂN SINH:

Năm học	Chỉ tiêu	HS diện có thi CL	HS diện không thi
2023-2024	450+30 = 480	284/480 = 59.16%	196/480 = 40,84%
2024-2025	490+30 =520	248/510 = 48,62%	262/ 510 = 51,38%

	Học sinh	Đơn vị tính	Tổng số			
			Tổng số	Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Tổng	Nữ
	A	B	1	2	3	4
1.1.	Tổng quy mô	người	1.410	696	6	3
1.2.	Quy mô chia theo vùng:		1.410	696	6	3
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	người	1.410	696	6	3
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	người				
	<i>Trong đó : Học sinh ở khu vực thành thị</i>	người	48	22		
1.3.	Quy mô chia ra theo lớp		1.410	696	6	3
	- Học sinh lớp 10	người	510	233	2	1

	- Học sinh lớp 11	người	472	247	3	2
	- Học sinh lớp 12	người	428	216	1	
1.4.	Quy mô chia ra theo độ tuổi		1.410	696	6	3
	- Dưới 15 tuổi	người				
	- 15 tuổi	người	500	229	2	1
	- 16 tuổi	người	475	249	3	2
	- 17 tuổi	người	424	213	1	
	- Trên 17 tuổi	người	11	5		
	Trong đó học sinh đi học đúng tuổi		1.383	685	6	3
	- Học sinh 15 tuổi học lớp 10	người	500	229	2	1
	- Học sinh 16 tuổi học lớp 11	người	465	245	3	2
	- Học sinh 17 tuổi học lớp 12	người	418	211	1	
3.5.	Trong tổng quy mô có:		1.410	696	6	3
	- Học sinh mới tuyển đầu cấp	người	510	233	2	1
	- Học sinh lưu ban năm học trước đang học lại trong năm học này	người				
	+ Lưu ban lớp 10	người				
	+ Lưu ban lớp 11	người				
	+ Lưu ban lớp 12	người				
	- Học sinh học 2 buổi/ngày	người				
	- Học sinh dân tộc nội trú	người				
	- Học sinh khuyết tật học hòa nhập	người				
	Trong đó :					
	+ Khuyết tật về nhìn	người				
	+ Khuyết tật về nghe, nói	người				
	+ Khuyết tật về trí tuệ	người				
	+ Khuyết tật về vận động	người				
	+ Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người				
	- Học sinh học tin học	người	500	260	2	1
	- Học sinh được tư vấn giáo dục hướng nghiệp	người	883	455	3	2
3.6.	Học sinh thuộc đối tượng chính sách	người	10	7		
3.6.1	Học sinh được miễn học phí	người				
3.6.2	Học sinh được giảm học phí	người				
3.6.3	Học sinh được hỗ trợ chi phí học tập	người				

3.6.4	- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người được hỗ trợ học tập	người				
3.6.5	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở và gạo	người				

2. THÔNG KÊ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ GD&ĐT NĂM HỌC 2023 – 2024.

ST T	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	395			395
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	393 99.49			393 99.49
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.51			2 0.51
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0			0 0.0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0			0 0.0
I.2	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	912	475	437	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	795	415	380	
		87.17	87.37	86.96	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	100	55	45	
		10.96	11.58	10.3	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	17	5	12	
		1.86	1.05	2.75	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	
		0.0	0.0	0.0	
II. 1	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)	395			395
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	189 47.85			189 47.85
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	203 51.39			203 51.39

3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.76			3 0.76
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0			0 0.0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0			0 0.0
II. 2	Số học sinh chia theo kết quả học tập (áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	912	475	437	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	186 20.39	67 14.11	119 27.23	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	550 60.31	304 64.0	246 56.29	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	163 17.87	97 20.42	66 15.1	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	13 1.43	7 1.47	6 1.37	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1307	475	437	395
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1294 99.01	468 99.53	431 98.63	395 100
1.1	áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011				395
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				189 47.85
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				203 51.39
1.2	(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)	912	475	437	395
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0	0 0.0	0 0.0	
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184 20.18	67 14.11	117 26.77	
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè (tỷ lệ so với tổng số)	13 1.43	7 1.47	6 1.37	0 0.0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0.0	0 0.0	0 0.0	0 0.0
4	Chuyển trường đi (tỷ lệ so với tổng số)	9 0.99	2 0.42	3 0.69	4 1.01

5	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	8	3	5	0
		0.88	0.63	1.14	0.0
6	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
		0.0	0.0	0.0	0.0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	13	5	3	5
		1.43	1.05	0.69	1.27
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố	8	1	2	5
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				394
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				394
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VI I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				206/358
					58%
VI II	Số học sinh nam/số học sinh nữ	664/643	226/249	218/219	220/175
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	2	1	1

3. KẾT QUẢ HỌC SINH GIỎI NĂM HỌC 2023 – 2024:

- Năm học 2023-2024 đạt 06 giải học sinh giỏi, trong đó có 05 giải các môn văn hóa: + 03 giải Nhất môn Giáo dục thể chất;
+ 02 giải KK môn Lịch sử;
+ 01 giải Giải Ba Khoa học kỹ thuật cấp thành phố;
- Năm học 2023-2024 có 02 cô giáo đạt Giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp thành phố.

4. KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT 2024:

a. Phân tích kết quả thi Tốt nghiệp THPT năm 2024:

- Chỉ tiêu nhà trường: 98%
- Kết quả đạt được : 100% (KQ Toàn thành phố = 99,66%)

Môn	Tỷ lệ TTB trường	Điểm Tb Sở	Điểm Tb trường	xếp thứ	So sánh
Toán	82,4%	6.78	6,047	46/65	Giữ nguyên
Văn	99.5%	7.99	8,292	26/65	Tăng 3 bậc
Anh	27.0%	5.98	4.118	55/65	Giảm 4 bậc
Sử	85.3 %	6.846	6.179	52/65	Giảm 1 bậc
Địa lí	98.5%	7.577	7.410	45/65	Giảm 19 bậc
GDCD	99.5%	8.609	8.286	48/65	Giảm 11 bậc

b. Bảng tổng hợp xếp hạng toàn thành phố Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT các năm:

STT	Năm học	Số TS dự thi (cả TS tự do)	Đỗ TN		Trượt	XL TTP THPT	XL 25 NCL
			SL	TL(%)			
1	2021-2022	419 + 01TD	419/420	99,76%	1	44/62	12/22
2	2022-2023	406	405/406	99,75%	1	44/62	10/22
3	2023-2024	394	394/394	100%	0	45/65	10/25

VI. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (7)**TRƯỜNG THPT AN HẢI – NĂM HỌC 2024 – 2025.**

SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 68/QĐ-THPTAH

An Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố công khai các khoản thu năm học 2024-2025****HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT AN HẢI**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tự thực; Công văn số 130/SGDDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai các khoản thu năm học 2024- 2025 của trường THPT An Hải (có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) tổ trưởng văn phòng, kế toán, bộ phận tài vụ, các tổ chuyên môn và các phòng ban có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi gửi

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG****HIỆU TRƯỞNG***Nguyễn Thị Hồng Diệu*

PHỤ LỤC CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024-2025

- Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại Điều 8: Khoản 4.a.b Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục.

a) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định;

b) Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục có trách nhiệm thuyết minh chi phí giáo dục, đào tạo bình quân một học sinh, mức thu học phí hàng năm, mức thu học phí toàn cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và toàn khóa học đối với cơ sở giáo dục đại học; thuyết minh lộ trình và tỷ lệ tăng học phí các năm tiếp theo (tỷ lệ tăng hằng năm không quá 15% đối với đào tạo đại học; tỷ lệ tăng không quá 10% đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông) và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật và giải trình với người học, xã hội;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 40/TT – BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tiểu học, trường THCS, trường THPT và trường PT có nhiều cấp học loại hình tư thục; Công văn số 130/SGDĐT-TCCB ngày 19/01/2022 của Sở GD&ĐT về việc triển khai Thông tư 40/2021/TT– BGD&ĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Hướng dẫn số 3051/HDLS-GDĐT-STC ngày 02/11/2020 về việc hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ học phí cho học sinh từ bậc học mầm non đến trung học phổ thông trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND ngày 09/12/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Tham khảo Nghị quyết số 02/NQ-HĐND ngày 09/9/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào Nghị quyết cuộc họp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường ngày 05/8/2024 thỏa thuận, thống nhất về nội dung, mục đích các khoản thu và kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024 -2025;

Trường THPT An Hải phối hợp với Ban Đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường

thống nhất các khoản thu trong năm học 2024-2025 như sau:

TT	Nội dung thu	Số tiền	Ghi chú												
1	Học phí: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ học phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại <u>Điều 8: Khoản 4.a. Đối với cơ sở giáo dục dân lập, tư thục:</u> Cơ sở giáo dục dân lập, tư thục được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) bảo đảm bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định; -Theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2024 = 2.340.000đ tăng 30% so với Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 quy định mức lương cơ sở từ tháng 7/2023 = 1.800.000đ. <table> <tr> <th>Nội dung thu</th><th>Lớp đầu tư CLC</th><th>Lớp Mô hình mới</th><th>Lớp Mô hình truyền thống</th></tr> <tr> <td>Thu tiền học phí cả năm học</td><td>17,000,000 đ/HS/năm.</td><td>15,000,000 đ/HS/năm.</td><td>13,000,000 đ/HS/năm.</td></tr> <tr> <td>Mức tăng học phí so với năm 2023-2024</td><td>6.25%</td><td>7.15%</td><td>8.30%</td></tr> </table> Ghi chú: Học phí thu thành 03 đợt trong năm (Đối với phụ huynh có hoàn cảnh khó khăn thì nộp theo từng tháng)			Nội dung thu	Lớp đầu tư CLC	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống	Thu tiền học phí cả năm học	17,000,000 đ/HS/năm.	15,000,000 đ/HS/năm.	13,000,000 đ/HS/năm.	Mức tăng học phí so với năm 2023-2024	6.25%	7.15%	8.30%
Nội dung thu	Lớp đầu tư CLC	Lớp Mô hình mới	Lớp Mô hình truyền thống												
Thu tiền học phí cả năm học	17,000,000 đ/HS/năm.	15,000,000 đ/HS/năm.	13,000,000 đ/HS/năm.												
Mức tăng học phí so với năm 2023-2024	6.25%	7.15%	8.30%												
2	Dạy thêm, học thêm: Căn cứ Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn Thành phố Hải Phòng tại <u>Điều 7: Khoản 1.c Thu, quản lý tiền của người học thêm đóng góp:</u> Đối với nhà trường thuộc khu vực huyện thu học phí của người học được tính ổn định sao cho không vượt quá 0,6% mức lương tối thiểu của giáo viên hệ công lập hiện hành = 14.040đ/tiết => Nhà trường thu 9.000 đ/tiết/HS (thu theo tháng, học tháng nào thu tiền tháng đó)														
3	Vở học sinh	240.000đ/hs/năm	(6 quyển 200 trang, 10 quyển 100 trang)												
4	Sách giáo khoa	Từ 320.000/hs/năm	Giá cụ thể theo từng môn học lựa chọn/ từng khối lớp												
5	Quần áo đồng phục														
	Áo đồng phục mùa hè + Cà vạt	120.000đ/chiếc													
	Quần đồng phục (Quần dài)	160.000đ/chiếc													
	Áo zile	160.000đ/chiếc													

	Áo đồng phục mùa đông	240.000đ/ chiếc	
	Bộ đồng phục TDTT	240.000đ/bộ	
	Bộ đồng phục GDQP&AN	270.000đ/bộ	
6	Tin nhắn EnetViet	150.000đ/năm	
7	Bảo hiểm y tế năm 2025:		
	Thu khối 10,11 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 70% x 12 tháng = 884.520đ / HS/năm.	884.520đ/ HS/năm.	Theo công văn số 1894/ UBND -VP ngày 29/7/2024 Về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;Theo công văn số 2494/ SGDĐT-VP ngày 19/8/2024 Về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh năm học 2024-2025.
	Thu khối 12 = Mức lương tối thiểu 2.340.000 x 4.5% x 70% x 9 tháng = 663.390đ/ HS/9 tháng .	663.390đ/ HS/9 tháng .	
8	Thu trông coi xe đạp học sinh: Theo Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 03/11/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng		
	Xe đạp thường	Miễn phí	Thu theo thực tế học sinh đi xe
	Xe đạp điện /Xe máy điện	50.000đ/tháng	
9	Kinh phí hoạt động của Ban Đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp năm học 2024-2025(từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác)		Nhận theo sự tài trợ, ủng hộ tự nguyện của Ban đại diện CMHS và PHHS lớp

Ghi chú: Từ năm học 2021-2022 Hội đồng nhân dân thành phố hỗ trợ học phí cho HS THPT (Cả HS ngoài công lập).

- **Mức hỗ trợ học phí** bằng mức học phí được Hội đồng nhân dân thành phố quy định trên địa bàn cho từng cấp học theo từng năm học.

- **Hình thức hỗ trợ:** Hỗ trợ trực tiếp cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) ký nhận tiền hỗ trợ (Nhà trường sẽ chuyển trực tiếp số tiền hỗ trợ học phí cho cha mẹ HS)

An Dương, ngày 22 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu

VII. CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC(8) - TRƯỜNG THPT AN HẢI NĂM HỌC 2024 – 2025

*(Kèm theo Quyết định số 92/QĐ-THPTAH ngày 27 tháng 9 năm 2024
của Hiệu trưởng trường THPT An Hải)*

1. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:

1.1. Tập trung phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo chất lượng thực hiện CT GDPT 2018;

- Đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV;
 - Tiếp tục tuyển dụng thêm GV các môn: Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử, Tin học, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn, Tiếng Trung.
- => GV dùng phẩm chất của mình để hình thành nhân cách, dùng năng lực để phát triển năng lực.

1.2. Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với cả 3 khối lớp đảm bảo thực hiện tốt và hoàn thành chương trình năm học, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục.

1.3. Nâng cao năng lực quản lý giáo dục, quản trị trường học;

- Đảm bảo tính dân chủ, công khai thống nhất giữa các tổ chức trong nhà trường; Phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;
- Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh;
- Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp phát triển các kỹ năng cho HS; thúc đẩy và nâng cao giáo dục STEM, giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THPT.

1.4. Triển khai hiệu quả, thiết thực công tác chuyển đổi số trong dạy học và quản lý giáo dục;

- Tập trung thực hiện chuyển đổi số trong quản lý kết quả học tập và rèn luyện của học sinh;
- Xây dựng phòng học thông minh;
- Đẩy mạnh giáo dục STEM trong nhà trường;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ số trong dạy và học, trong quản lý;
- Đẩy mạnh việc dạy và học ngoại ngữ **1 (Tiếng Anh)**; Khuyến khích học sinh tham gia các kỳ thi theo chuẩn quốc tế để đạt chuẩn đầu ra theo quy định như: **IELTS, APTIS** và HS có thể đăng kí học một CLB ngoại ngữ như Tiếng Nhật, tiếng Hàn;

1.5. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, bảo đảm an toàn trường học; Thực hiện dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả; Chủ động,

linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học, chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

-> Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

1.6. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông trong GD&ĐT;

1.7. Tiếp tục và nâng cao chất lượng các tiêu chí, tiêu chuẩn duy trì kết quả kiểm định chất lượng giáo dục để đạt trường học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục - Cấp độ 3; Trường đạt chuẩn quốc gia – Mức độ 2 đến năm 2025.

1.8. Thực hiện đổi mới thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và Quyết định số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2023 của Bộ GD&ĐT về công bố phương án thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025. Thí sinh thi 4 môn, trong đó 02 môn bắt buộc là môn Ngữ văn, môn Toán và 02 môn thí sinh tự chọn trong số các môn còn lại được học ở lớp 12 (Ngoại ngữ, Lịch sử, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Tin học, Công nghệ).

1.9. Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu bảo đảm thực hiện chương trình GDPT 2018:

2. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU NĂM HỌC 2024-2025.

Năm học 2024 - 2025 thầy và trò nhà trường quyết tâm nỗ lực nâng cao chất lượng công tác của các thành viên trong hội đồng giáo dục nhà trường, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm và các chỉ tiêu phân đầu chủ yếu trong năm học như sau:

2.1. Công tác tư tưởng chính trị.

- 100% CBGVNV thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

- Đẩy mạnh việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường, tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”.

- 100% CBGVNV không sinh con thứ ba trở lên.

- 100% CBGVNV thực hiện đúng Bộ Quy tắc ứng xử trong nhà trường.

- Giới thiệu từ 2->3 đồng chí CĐV xuất sắc cho Chi Bộ xem xét cử đi bồi dưỡng kết nạp Đảng.

2.2. Công tác xây dựng đội ngũ:

- 100% CBGVNV không vi phạm quy chế chuyên môn.

- 100% GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

- 100% giáo viên được xếp loại từ đạt yêu cầu trở lên trong đó có 70% giáo viên được xếp loại Khá, Giỏi về công tác giảng dạy.

- Đẩy mạnh phong trào tự học, nghiên cứu khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý và các nhà giáo đạt chuẩn nghề nghiệp.

- Phần đầu 100% CB, GV, NV tự học, tự bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả. Động viên từ 1 – 2 đồng chí giáo viên đi học Thạc sỹ.

- Phần đầu từ 10-> 12 giáo viên đạt DH CSTĐ cấp cơ sở, từ 6-> 8 giáo viên được Chủ tịch UBND Thành phố *tặng Bằng khen*, Giám đốc Sở GD&ĐT và Công đoàn ngành *tặng Giấy khen*.

2.3. Về chất lượng giáo dục toàn diện:

- Phần đầu nhà trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 trong giai đoạn 2024–2026;

- Từng bước thay đổi chất lượng học sinh để đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Từng bước nâng cao trình độ ngoại ngữ cho học sinh trong nhà trường.

Cuối năm học, tất cả HS đều được đánh giá phẩm chất và năng lực : Phần đầu Nâng cao chất lượng toàn diện:

- **Kết quả phẩm chất và năng lực:** 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh;

- **Kết quả phẩm chất và năng lực:** 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh;

+ Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả rèn luyện Khá, Tốt trên 98%.**

+ Tỷ lệ học sinh **lên lớp thẳng đạt từ 95% trở lên.**

+ Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả học tập Tốt (Đạt HS Giỏi) trên 20.0%.**

+ Tỷ lệ học sinh đạt **Kết quả học tập Khá trên 55%.**

- **Tăng cường công tác phát hiện và bồi dưỡng HSG, phần đầu đạt 8 đến 10 giải HS Giỏi thành phố và đạt giải trong các cuộc thi/năm.**

- **Phần đầu duy trì tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT 2025 đạt 100%.**

- 100% HS được định hướng nghề nghiệp, phân luồng sau tốt nghiệp THPT. Duy trì tỷ lệ học sinh vào các trường CĐ, ĐH đạt 60% trở lên (Tính theo tỷ lệ HS dự thi). **Tỷ lệ đỗ Đại học - Cao đẳng- Cao đẳng Nghề đạt 50%->55%.**

- **Giảm tỷ lệ học sinh bỏ học: Tỷ lệ HS bỏ học không quá 1,0%.**

- **Học sinh** được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp, ứng xử đúng mực. Tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- **Sức khỏe:** Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh (nếu có)

* **Học sinh** được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp, ứng xử đúng mực. Tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

2.4. Giáo dục thể chất, quốc phòng an ninh, y tế học đường và công tác xây dựng cơ sở vật chất, an ninh, an toàn trường học.

- **Sức khỏe:** 100% học sinh tham gia bảo hiểm y tế. Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng, chống các dịch bệnh thông thường, dịch Covid, khám bệnh không để xảy ra tai nạn tương tích và giao thông đối với học sinh.

- **Đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao.** Tham gia đầy đủ các giải thể thao cấp quận, cấp thành phố, cấp quốc gia.

- 100% học sinh học Giáo dục quốc phòng và an ninh đạt yêu cầu trở lên.

- Cam kết thực hiện học sinh nhà trường *Nói không với bạo lực, rượu, thuốc lá, ma túy và văn hoá phẩm đồi trụy.*

- Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học cho thầy và trò trong giảng dạy, học tập.

- Tiếp tục xây dựng, tu sửa, mua sắm bổ sung và hoàn thiện cơ sở vật chất của nhà trường, tạo cảnh quan trường học **Xanh, Sạch, Đẹp. Đảm bảo** cơ sở vật chất, trang thiết bị cho việc triển khai chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 10,11. Gắn việc sử dụng với tu bổ, bảo quản, thực hiện việc tiết kiệm điện, nước và các trang thiết bị khác.

2.5. Thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua

- 100% học sinh tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua: Thực hiện chỉ thị 05-CT/TW của Bộ chính trị về đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Phong trào thi đua dạy tốt học tốt, “*xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”.

- Mỗi bộ môn tổ chức 01 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.
- 100% học sinh tham gia đầy đủ các hoạt động nhân đạo.
- Đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, giáo dục trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh ... theo tinh thần lồng ghép và tích hợp. Khuyến khích mỗi bộ môn tổ chức 01 hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo.

2.6. Các danh hiệu thi đua:

- Giữ vững vị trí **một trong 4 trường dẫn đầu** khối THPT Ngoài công lập của Thành phố Hải Phòng.

- Được Chủ tịch UBND Thành phố tặng danh hiệu “**Tập thể lao động xuất sắc**”, **tặng Bằng khen**.

- Chi Bộ đạt “**Chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ**”.

- Công đoàn đạt “**Công đoàn vững mạnh xuất sắc**” và **được các cấp tặng Bằng khen**.

- Đoàn thanh niên được **Thành đoàn, Trung Ương Đoàn tặng Bằng khen**.

3. CÁC NHIỆM VỤ KHÁC:

1. Nhà trường đã **đẩy mạnh công tác tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao hàm chất, năng lực chuyên môn**, nghiệp vụ sư phạm, tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác GD và dạy học của đội ngũ CBGVNV toàn trường. Tích cực khai thác Hệ hống học tập điện tử; Sử dụng SGK, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Tích cực ứng dụng CNTT, khai thác ứng dụng công nghệ AI; triển khai thực hiện hiệu quả và thiết thực công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý GD, dạy học, hoạt động GD và quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS.

2. **Nhà trường tiếp tục đầu tư CSVC theo chiều sâu, hiện đại**; Xây dựng phòng học thông minh, thư viện điện tử, hoạt động giáo dục STEM; Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với tất cả các khối lớp, đặc biệt đối với lớp 12. Trong đó, tập trung thực hiện hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá nhằm phát huy phẩm chất, năng lực học sinh; Đa dạng hóa hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục tích hợp, phát triển các kỹ năng cho học sinh;

3. **Thống nhất giữa các tổ chức trong trường chủ động, linh hoạt thực hiện kế hoạch năm học**, đảm bảo tính dân chủ, công khai, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả cao; Chủ động phòng, chống cháy nổ và ứng phó với thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm ANTT trường học.

4. **Xây dựng môi quan hệ phối hợp giữa nhà trường với CMHS**, tăng cường GDHS tự giác chấp hành Luật giao thông đường bộ; Tư vấn, hướng nghiệp và định hướng nghề nghiệp cho HS toàn trường. XD lớp học hạnh phúc, trường học hạnh phúc để HS thực sự cảm thấy hạnh phúc mỗi khi đến trường, góp phần giữ vững và phát huy truyền thống của nhà trường, có kết quả đầu ra luôn đứng trong TOP đầu khối trường THPT của TP HP.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (để b/c)
- UBND quận/huyện(để b/c) ;
- Phòng KTKĐCL(để b/c);
- Website trường;
- Lưu VT.

Hải Phòng, ngày 30 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hồng Diệu